

## **Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



## **Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 - 75

HOÀNG ANH GIA LAI

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn; trồng và kinh doanh trái cây và các loại cây trồng khác; và sản xuất và mua bán cây giống.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên độc lập
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên độc lập

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng Ban
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

bổ nhiệm ngày 21 tháng 1 năm 2021

330  
C  
IÁCH  
RN  
V  
17.

## Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo là Ông Võ Trường Sơn.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

31  
VN  
TH  
T  
ỆT  
P

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, vào bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

Số tham chiếu: 60752790/22630208-HN/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập vào ngày 27 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 75 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### ***Kết luận của Kiểm toán viên***

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### ***Các vấn đề cần nhấn mạnh***

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, khoản lỗ lũy kế của Tập đoàn là 7.371.640.788 ngàn VND. Điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Chúng tôi cũng xin lưu ý đến Thuyết minh số 38 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trình bày việc Ban Tổng Giám đốc đã điều chỉnh một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh các điều chỉnh nhằm sửa chữa các sai sót đã thực hiện trong kỳ trước.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh nói trên.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Dương Lê Anthony  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 2223-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2021



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>5.226.803.590</b>	<b>8.930.375.455</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>5</b>	<b>155.797.335</b>	<b>97.151.198</b>
111	1. Tiền		155.797.335	97.151.198
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>4.749.725.113</b>	<b>6.410.638.635</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	630.535.972	4.075.221.471
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	110.543.462	109.143.346
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	5.682.083.683	4.186.477.204
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	550.963.981	563.738.589
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6,7,8,9	(2.224.401.985)	(2.523.941.975)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>303.992.967</b>	<b>2.347.965.565</b>
141	1. Hàng tồn kho		303.992.967	2.423.112.551
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(75.146.986)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>17.288.175</b>	<b>74.620.057</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	17	3.190.861	11.353.928
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	21	10.962.196	60.705.339
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	21	3.135.118	2.560.790
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>12.885.311.460</b>	<b>28.335.444.096</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>4.356.436.806</b>	<b>2.295.094.417</b>
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	3.727.691.394	1.782.648.474
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	646.824.588	514.915.299
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	8, 9	(18.079.176)	(2.469.356)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>2.803.597.467</b>	<b>12.626.270.334</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.678.318.327	12.104.977.632
222	Nguyên giá		3.479.855.700	15.165.372.700
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(801.537.373)	(3.060.395.068)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	125.279.140	521.292.702
228	Nguyên giá		145.540.126	550.664.610
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(20.260.986)	(29.371.908)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>13</b>	<b>63.921.720</b>	<b>65.237.146</b>
231	1. Nguyên giá		74.075.831	74.075.831
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(10.154.111)	(8.838.685)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>3.345.011.734</b>	<b>12.006.780.151</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	3.345.011.734	12.006.780.151
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>16</b>	<b>1.778.826.680</b>	<b>277.318.516</b>
252	1. Đầu tư vào các công ty liên kết		-	266.193.865
253	2. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		1.781.156.721	11.124.651
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.330.041)	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>537.517.053</b>	<b>1.064.743.532</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	277.370.162	353.396.829
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33,2	5.814.473	85.724.272
269	3. Lợi thế thương mại	18	254.332.418	625.622.431
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>18.112.115.050</b>	<b>37.265.819.551</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>12.946.250.117</b>	<b>27.238.024.092</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>4.861.232.161</b>	<b>15.428.980.447</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19	318.888.760	1.474.036.885
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	20	292.125.104	633.729.744
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	4.598.384	32.844.475
314	4. Phải trả người lao động		51.872.298	175.795.782
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	22	2.463.120.647	2.864.427.371
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		583.978	409.091
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	23	182.062.421	1.475.782.291
320	8. Vay ngắn hạn	24	1.547.877.059	8.771.851.298
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	103.510
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>8.085.017.956</b>	<b>11.809.043.645</b>
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	22	735.355.168	1.173.684.620
337	2. Phải trả dài hạn khác	23	71.291.757	454.179.120
338	3. Vay dài hạn	24	6.731.495.257	9.330.999.170
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.2	541.270.533	844.467.369
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.605.241	5.713.366
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>5.165.864.933</b>	<b>10.027.795.459</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>5.165.864.933</b>	<b>10.027.795.459</b>
411	1. Vốn cổ phần	25.1	9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	25.1	3.263.858.784	3.263.858.784
415	3. Cổ phiếu quỹ	25.1	(686.640)	(686.640)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	25.1	(378.136.885)	(1.440.136.262)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	25.1	282.410.699	282.410.699
421	6. Lỗ lũy kế	25.1	(7.371.640.788)	(6.301.662.837)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(7.389.857.259)	(5.046.001.493)
421b	- Lợi nhuận/(lỗ) trong kỳ		18.216.471	(1.255.661.344)
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26	95.380.293	4.949.332.245
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>18.112.115.050</b>	<b>37.265.819.551</b>

  
Trần Thị Thanh Hiếu  
Người lập

  
Lê Trương Y Trâm  
Kế toán trưởng

  
Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	832.044.919	1.483.696.261
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	(21.938.951)	(13.106.383)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	810.105.968	1.470.589.878
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(701.819.656)	(1.054.652.839)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		108.286.312	415.937.039
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	476.159.732	350.135.380
22	7. Chi phí tài chính	30	(386.241.546)	(446.347.717)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(364.761.190)	(490.162.646)
24	8. Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên kết		(5.819.760)	1.594.140
25	9. Chi phí bán hàng	31	(48.257.284)	(216.136.693)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(142.554.415)	(1.430.856.437)
30	11. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		1.573.039	(1.325.674.288)
31	12. Thu nhập khác	32	35.579.224	48.523.323
32	13. Chi phí khác	32	(251.809.570)	(117.905.136)
40	14. Lỗ khác	32	(216.230.346)	(69.381.813)
50	15. Lỗ kế toán trước thuế		(214.657.307)	(1.395.056.101)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.1	(319.480)	(321.560)
52	17. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	33.2	223.287.037	(1.395.927)
60	18. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		8.310.250	(1.396.773.588)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
61	19. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của công ty mẹ		18.216.471	(1.155.559.791)
62	20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(9.906.221)	(241.213.797)
70	21. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	27	20	(1.246)
71	22. Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu (VND)	27	20	(1.246)

  
Trần Thị Thanh Hiếu  
Người lập

  
Lê Trương Y Trâm  
Kế toán trưởng

  
Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lỗ kế toán trước thuế</b>		<b>(214.657.307)</b>	<b>(1.395.056.101)</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	11, 12 13, 18	507.006.114	450.140.187
03	(Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng		(263.839.860)	1.231.248.292
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(8.108.764)	26.243.824
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(262.019.763)	(322.111.698)
06	Chi phí lãi vay	30	364.761.190	490.162.646
07	Các khoản điều chỉnh khác		1.759.668	9.588.000
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>124.901.278</b>	<b>490.215.150</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(124.370.897)	(1.016.191.893)
10	Tăng hàng tồn kho		(154.381.044)	(125.361.699)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(143.628.116)	132.766.744
12	Tăng chi phí trả trước		(58.885.996)	(149.269.785)
14	Tiền lãi vay đã trả		(64.739.258)	(406.962.556)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	33.1	-	(210.871)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(421.104.033)</b>	<b>(1.075.014.910)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(703.152.100)	(1.789.863.841)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		44.178.165	109.918.613
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(2.926.484.865)	(297.747.313)
24	Tiền thu hồi cho vay		1.464.281.340	107.834.322
25	Tiền chi để đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(108.511.316)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		3.332.388.023	-
27	Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		26.434.141	346.733.255
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư</b>		<b>1.129.133.388</b>	<b>(1.523.124.964)</b>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	24	651.019.989	5.021.276.643
34	Tiền trả nợ gốc vay	24	(1.300.403.207)	(2.595.466.048)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính</b>		<b>(649.383.218)</b>	<b>2.425.810.595</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>58.646.137</b>	<b>(172.329.279)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu kỳ</b>		<b>97.151.198</b>	<b>254.431.616</b>
<b>70</b>	<b>Tiền cuối kỳ</b>	<b>5</b>	<b>155.797.335</b>	<b>82.102.337</b>

  
Trần Thị Thanh Hiếu  
Người lập

  
Lê Trương Y Trâm  
Kế toán trưởng

  
Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty có năm (5) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh với chi tiết như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)
<b>Lĩnh vực nông nghiệp</b>			
(1) Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	82,67
(2) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	82,67
(3) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	82,67
(4) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	88,03
<b>Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ</b>			
(5) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,81
(6) Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(7) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động (i)	100,00
<b>Công ty liên kết</b>			
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	25,00
<b>Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc</b>			
<b>Dịch vụ hàng hóa - xây dựng</b>			
(1) Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(2) Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
(3) Chi nhánh Chế biến hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-
<b>Quản lý bất động sản và khách sạn</b>			
(4) Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

- (i) Tình trạng trước hoạt động là tình trạng các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn; trồng và kinh doanh trái cây và các loại cây trồng khác; và sản xuất và mua bán cây giống.

Công ty có trụ sở chính tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 1.497 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3.313).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu các công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lỗ lũy kế.

**2.6 Giả định hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, khoản lỗ lũy kế của Tập đoàn là 7.371.640.788 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Tập đoàn cũng đang vi phạm một số cam kết đối với hợp đồng vay như được trình bày tại Thuyết minh số 24. Những điều kiện này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thu hồi nợ từ các đối tác và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Tập đoàn cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Theo đó, Tập đoàn có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong kỳ kế toán tiếp theo. Dựa trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

02-C  
TY  
HỮU HẠ  
DUNI  
TM  
CHỈ V

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

#### 3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- |   |   |  |
|---|---|--|
| Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ và hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.  |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang    | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

*Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	2 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vườn cây lâu năm	7 - 20 năm
Quyền sử dụng đất	20 - 29 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm
Tài sản khác	6 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)**

*Khấu hao các vườn cây*

Chi tiết như sau:

Năm khai thác	Tỷ lệ khấu hao (%)			
	Vườn cây chuối	Vườn cây thanh long	Vườn cây mít	Vườn cây xoài
	(i)	(ii)	(iii)	(iv)
Năm thứ 1	10,00	1,00	0,80	0,30
Năm thứ 2	10,00	3,40	1,80	1,00
Năm thứ 3	10,00	5,00	4,10	2,20
Năm thứ 4	10,00	6,70	5,80	4,30
Năm thứ 5	10,00	8,40	5,80	5,80
Năm thứ 6	10,00	8,40	5,80	5,80
Năm thứ 7	10,00	8,40	5,80	5,80
Năm thứ 8	10,00	8,40	5,80	5,80
Năm thứ 9	10,00	8,40	5,80	5,80
Năm thứ 10	Giá trị còn lại	8,40	5,80	5,80
Năm thứ 11		6,70	5,80	5,80
Năm thứ 12		6,70	5,80	5,80
Năm thứ 13		6,70	5,80	5,80
Năm thứ 14		6,70	5,80	5,80
Năm thứ 15		Giá trị còn lại	5,80	5,80
Năm thứ 16			4,70	5,80
Năm thứ 17			4,70	5,80
Năm thứ 18			4,70	5,80
Năm thứ 19			4,70	5,80
Năm thứ 20			Giá trị còn lại	Giá trị còn lại

*Vườn cây ăn quả*

Ban Tổng Giám đốc ước tính tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác để hạch toán tài sản và trích khấu hao khi tỷ lệ đậu trái đạt trên 50% số cây trồng trong lô kể từ thời gian xử lý ra trái.

- (i) Khấu hao đối với vườn cây chuối được thực hiện dựa trên Quyết định số 0106/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 6 năm 2020 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây chuối theo chu kỳ khai thác.
- (ii) Khấu hao đối với vườn cây thanh long được thực hiện dựa trên Quyết định số 115/17/QĐ-HAGL Agrico ngày 8 tháng 8 năm 2017 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây thanh long theo chu kỳ khai thác.
- (iii) Khấu hao đối với vườn cây mít được thực hiện dựa trên Quyết định số 0111/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 11 năm 2018 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây mít theo chu kỳ khai thác.
- (iv) Khấu hao đối với vườn cây xoài được thực hiện dựa trên Quyết định số 0101/18/QĐ-HAGL Agrico ngày 2 tháng 1 năm 2018 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây xoài theo chu kỳ khai thác.
- (v) Khấu hao đối với các vườn cây còn lại được thực hiện dựa trên các Quyết định khác có liên quan của Ban Tổng Giám đốc.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao và/hoặc giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	23 - 30 năm
Quyền sử dụng đất	36 - 43 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, vườn cây của Tập đoàn mà các dự án này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ.

*Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Tập đoàn như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

*Vườn cây*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây ăn quả và các vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

*Dự án chăn nuôi*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển dự án chăn nuôi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh. Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trường hợp tài sản cho thuê dài hạn thỏa các điều kiện sẽ được ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

#### 3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ, trừ khi các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

#### 3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, chi phí phát triển vườn cây ăn quả, chi phí khai hoang, chi phí phát triển cầu thủ và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ;
- ▶ Chi phí phát triển cây ăn quả, vườn cây khác, chi phí khai hoang bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Các chi phí này được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của từng loại cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này; và
- ▶ Chi phí dự án chăn nuôi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ Tập đoàn đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Trường hợp trước đây công ty mẹ đã thoái một phần vốn tại công ty con và đã ghi nhận kết quả từ việc thoái phần vốn đó trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, nay thoái thêm một phần vốn đầu tư tại công ty con dẫn đến mất quyền kiểm soát thì công ty mẹ phải kết chuyển phần lãi, lỗ đã ghi nhận trước đây trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### 3.13 *Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh*

Tập đoàn mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được chuyển vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

*Đầu tư vào các đơn vị khác*

Đầu tư vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.16 Dự phòng**

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

33008  
CỘNG HÒA  
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM  
TP. HỒ CHÍ MINH



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 *Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu*

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) và đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.18 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

#### *Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài*

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong kỳ; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

1802  
CÔNG TY  
KHU  
YOUNG  
AM  
CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.19 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.20 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

**3.21 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Doanh thu cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.22 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.22 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

**3.23 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

**3.24 Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm (trồng cây, thương mại và dịch vụ). Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa theo địa điểm của tài sản.

**4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ**

**4.1 Thanh lý Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“HNG”)**

Từ ngày 4 tháng 1 đến ngày 8 tháng 1 năm 2021, Công ty đã hoàn tất bán 28.205.675 cổ phiếu HNG. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG giảm từ 40,29% xuống còn 37,75%.

Chênh lệch giữa giá bán và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong HNG vào ngày giao dịch là 168.032.061 ngàn VND được nhận giảm lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (*Thuyết minh “TM” số 25.1*).

30081  
CỘNG HÒA  
CH XÃ HỘI  
VIỆT NAM  
P. HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ (tiếp theo)**

**4.1 Thanh lý Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (“HNG”) (tiếp theo)**

Vào ngày 8 tháng 1 năm 2021, HNG đã tiến hành Đại Hội Cổ đông Bất thường nhằm thông qua Nghị Quyết Số 0801/21/NQĐHĐCĐ-HAGL Agrico về việc phát hành thêm cổ phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải (“THAGRICO”) để hoán đổi các khoản nợ phải trả, nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn hoạt động của HNG. Ngoài ra, cũng tại ngày này, Hội đồng Quản trị HNG đã thông qua Nghị quyết số 0801/21/NQHĐQT-HAGL Agrico về việc miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ông Đoàn Nguyên Đức, đại diện của Công ty trong HNG, và bầu Ông Trần Bá Dương, đại diện của THAGRICO trong HNG, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Theo đó, căn cứ các quy định hiện hành, HNG không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này. Tại ngày mất quyền kiểm soát, Tập đoàn đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phần lãi đã được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) của các năm trước, liên quan đến các giao dịch vốn trước đây đối với các cổ đông không kiểm soát đã làm giảm tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG mà không làm mất quyền kiểm soát với số tiền là 1.013.165.414 ngàn VND (TM số 25.1).

Từ ngày 12 tháng 1 đến ngày 4 tháng 6 năm 2021, Công ty đã tiếp tục bán 240.275.165 cổ phiếu HNG. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong HNG giảm từ 37,75% xuống còn 16,07% và HNG được trình bày như là một khoản đầu tư khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (TM số 16.2). Theo đó, số tiền lãi 240.752.906 ngàn VND từ việc thanh lý này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (TM số 28.2).

**4.2 Mua thêm phần vốn góp trong Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai (“Hưng Thịnh Lợi”)**

Vào ngày 23 tháng 3 năm 2021, Công ty đã mua thêm 4,45% phần vốn góp trong Hưng Thịnh Lợi, công ty con trong Tập đoàn từ Công ty Cổ phần Thực Phẩm Heygo với giá trị là 124.645.000 ngàn VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Hưng Thịnh Lợi tăng từ 78,22% lên 82,67% tại ngày này.

Chênh lệch giữa giá phí đầu tư và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong Hưng Thịnh Lợi vào ngày giao dịch là 83.686.045 ngàn VND được ghi nhận tăng lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (TM số 25.1).

**4.3 Mua thêm cổ phần trong Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai (“Thể Thao HAGL”)**

Vào ngày 1 tháng 4 năm 2021, Công ty, Hưng Thịnh Lợi và Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai đã mua thêm 5.600.000 cổ phần được phát hành mới theo mệnh giá trong Thể Thao HAGL, công ty con trong Tập đoàn. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Thể Thao HAGL tăng từ 51,00% lên 99,81% tại ngày này.

Chênh lệch giữa giá phí đầu tư và giá trị ghi sổ tương ứng với phần sở hữu giá trị tài sản thuần của Tập đoàn trong Thể Thao HAGL vào ngày giao dịch là 157.890.024 ngàn VND được ghi nhận tăng lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (TM số 25.1).

**4.4 Đại dịch Covid-19**

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Tập đoàn đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

B09a-DN/HN  
 TỶ  
 HỮU  
 QU  
 M  
 HÍ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**5. TIỀN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền mặt	2.807.351	14.090.804
Tiền gửi ngân hàng	152.989.984	83.060.394
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>155.797.335</b>	<b>97.151.198</b>

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu về thanh lý khoản đầu tư	176.271.018	2.719.615.892
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	176.271.018	176.576.000
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	-	2.350.000.000
- Các khách hàng khác	-	193.039.892
Phải thu từ dịch vụ xây dựng	36.967.957	741.883.015
<i>Trong đó:</i>		
- Phải thu Chính phủ Lào cho việc xây dựng sân bay	-	707.578.103
- Các khách hàng khác	36.967.957	34.304.912
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	331.292.888	608.643.802
Phải thu về thanh lý tài sản	84.602.620	3.714.627
Phải thu khác	1.401.489	1.364.135
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>630.535.972</b>	<b>4.075.221.471</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(72.687.411)	(47.861.216)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>557.848.561</b>	<b>4.027.360.255</b>
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu các bên thứ ba	527.781.586	4.036.303.951
Phải thu các bên liên quan (TM số 34)	102.754.386	38.917.520

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Số đầu kỳ	47.861.216	93.608.502
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	47.060.730	35.030.990
Trừ: Giảm do thanh lý công ty con	(16.368.434)	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(5.866.101)	(47.641.958)
Số cuối kỳ	72.687.411	80.997.534



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	88.033.077	94.404.315
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty TNHH Sản xuất Bột Mỳ	21.056.906	7.055.503
- Công ty TNHH T.B. Y.B Angkor Banana	19.609.076	19.609.076
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	-	12.919.700
- Các nhà cung cấp khác	47.367.095	54.820.036
Trả trước cho nhà thầu xây dựng và mua máy móc thiết bị	22.510.385	14.241.176
Trả trước cho người bán khác	-	497.855
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>110.543.462</b>	<b>109.143.346</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(16.525.350)	(24.753.411)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>94.018.112</b>	<b>84.389.935</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước các bên thứ ba</i>	99.900.834	85.889.895
<i>Trả trước các bên liên quan (TM số 34)</i>	10.642.628	23.253.451

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Số đầu kỳ	24.753.411	2.299.803
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	5.882.722	232.419.371
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(12.610.823)	-
Trừ: Giảm do thanh lý công ty con	(1.499.960)	-
Số cuối kỳ	<b>16.525.350</b>	<b>234.719.174</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>		
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 34) (i)	5.546.969.826	3.781.246.179
Cho vay ngắn hạn các bên khác (ii)	135.113.857	405.231.025
	<u>5.682.083.683</u>	<u>4.186.477.204</u>
<b>Dài hạn</b>		
Cho vay dài hạn bên liên quan (TM số 34) (i)	3.005.385.869	1.363.307.997
Cho vay dài hạn Chính phủ Lào - Dự án sân bay quốc tế Attapeu (iii)	17.163.083	17.230.477
Cho vay dài hạn các bên khác (ii)	705.142.442	402.110.000
	<u>3.727.691.394</u>	<u>1.782.648.474</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.409.775.077</b>	<b>5.969.125.678</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	<u>(1.847.758.811)</u>	<u>(2.305.282.094)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>7.562.016.266</b>	<b>3.663.843.584</b>

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Số đầu kỳ	2.305.282.094	4.181.066.564
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	15.334.708	1.115.229.358
Trừ: Xóa sổ dự phòng trong kỳ	-	(3.720.000)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	<u>(472.857.991)</u>	<u>-</u>
Số cuối kỳ	<u>1.847.758.811</u>	<u>5.292.575.922</u>
Trong đó:		
Ngắn hạn	1.847.758.811	2.165.483.633
Dài hạn	-	3.127.092.289

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan, có thời hạn hoàn trả từ năm 2021 đến năm 2023 và hưởng lãi suất từ 4,80% đến 10,00%/năm.
- (ii) Đây là các khoản cho vay tín chấp các bên khác với thời hạn hoàn trả từ năm 2021 đến năm 2023 và hưởng lãi suất từ 4,80% đến 14,00%/năm.
- (iii) Đây là khoản cho Chính phủ Lào vay không lãi suất nhằm hỗ trợ việc xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào theo Hợp đồng Tín dụng ký ngày 23 tháng 5 năm 2013. Khoản vay này sẽ được cần trừ với nghĩa vụ thuế mà Công ty và các công ty con phải nộp cho Chính phủ Lào trong tương lai:

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Nợ gốc đầu kỳ và cuối kỳ (USD)</b>	<b>748.826</b>	<b>748.826</b>
<b>Nợ gốc cuối kỳ (Ngàn VND)</b>	<b>17.163.083</b>	<b>17.230.477</b>

030  
C  
RÁCH  
RNS  
VII  
7-7



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. PHẢI THU KHÁC**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>		
Cho các công ty mượn	258.551.353	340.705.172
Phải thu lãi cho vay	257.145.487	149.701.808
Tạm ứng cho nhân viên	31.609.366	56.520.295
Phải thu ngắn hạn khác	3.657.775	16.811.314
	<u>550.963.981</u>	<u>563.738.589</u>
<b>Dài hạn</b>		
Phải thu Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh ("HĐHTKD") (*)	440.000.000	440.000.000
Phải thu lãi cho vay	198.830.380	71.044.947
Phải thu dài hạn khác	7.994.208	3.870.352
	<u>646.824.588</u>	<u>514.915.299</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.197.788.569</b>	<b>1.078.653.888</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(305.509.589)	(148.514.610)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>892.278.980</b>	<b>930.139.278</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 34)</i>	616.404.295	489.633.305
<i>Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 34)</i>	247.341.552	201.218.629
<i>Phải thu các bên thứ ba</i>	334.042.722	387.801.954

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Số đầu kỳ	148.514.610	871.402.471
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	159.945.192	110.880.668
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(2.950.213)	(202.681.277)
Số cuối kỳ	<u>305.509.589</u>	<u>779.601.862</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Ngắn hạn</i>	287.430.413	75.410.141
<i>Dài hạn</i>	18.079.176	704.191.721

(\*) Khoản này thể hiện phần vốn góp cho Công ty Cổ phần Lê Me ("Lê Me") theo HĐHTKD ký ngày 8 tháng 9 năm 2020 về việc hợp tác đầu tư vào dự án trồng cây ăn quả của Lê Me trong bốn (4) năm. HĐHTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án, bắt đầu từ khi dự án phát sinh doanh thu. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, dự án trên vẫn đang trong quá trình xây dựng cơ bản và chưa phát sinh doanh thu. HĐHTKD này đang được dùng để thế chấp cho khoản trái phiếu thường tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong (TM số 24.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	131.210.648	1.967.180.717
<i>Trong đó:</i>		
- Hoạt động sản xuất, trồng trọt (i)	24.414.084	1.078.419.250
- Hợp đồng xây dựng	17.308.127	878.282.394
- Chăn nuôi	89.488.437	10.479.073
Nguyên vật liệu	144.049.226	322.805.041
Hàng hóa	17.905.028	55.173.276
Thành phẩm	9.012.853	64.167.607
Công cụ, dụng cụ	1.815.212	9.513.608
Hàng đi đường	-	4.272.302
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>303.992.967</b>	<b>2.423.112.551</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(75.146.986)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>303.992.967</b>	<b>2.347.965.565</b>

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Số đầu kỳ	75.146.986	21.572.100
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	555.583
Trừ: Giảm do thanh lý công ty con	(75.146.986)	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(8.824.443)
Số cuối kỳ	-	13.303.240

(i) Một phần chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (hoạt động sản xuất, trồng trọt) được dùng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (TM số 24).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Ngàn VND						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm và vật nuôi	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>							
Số đầu kỳ	2.726.429.032	734.033.551	2.151.362.743	6.999.458	9.485.587.579	60.960.337	15.165.372.700
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	133.739.520	186.406	5.333.954	-	519.557.245	-	658.817.125
Mua mới trong kỳ	2.796.514	12.633.922	20.534.726	842.090	92.407	146.700	37.046.359
Chênh lệch tỷ giá	(11.270.177)	(2.425.528)	(650.738)	-	(6.786.991)	-	(21.133.434)
Thanh lý	(22.283.339)	(33.600)	(1.869.982)	(31.990)	(70.023.175)	-	(94.242.086)
Thanh lý công ty con trong kỳ	(1.419.601.094)	(492.095.129)	(1.894.126.486)	(3.205.570)	(8.429.380.799)	(27.595.886)	(12.266.004.964)
Số cuối kỳ	1.409.810.456	252.299.622	280.584.217	4.603.988	1.499.046.266	33.511.151	3.479.855.700
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết	9.407.565	30.357.139	25.315.816	3.112.292	26.517.011	18.566.116	113.275.939
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>							
Số đầu kỳ	(697.875.858)	(380.657.455)	(770.586.757)	(5.581.987)	(1.165.435.140)	(40.257.871)	(3.060.395.068)
Khấu hao trong kỳ	(33.376.076)	(9.549.815)	(9.984.268)	(107.474)	(101.811.635)	(1.002.187)	(155.831.455)
Chênh lệch tỷ giá	2.718.140	846.630	93.820	-	391.030	-	4.049.620
Thanh lý	22.283.339	-	556.606	533	8.899.756	-	31.740.234
Thanh lý công ty con trong kỳ	339.317.262	247.315.783	672.197.827	2.081.892	1.106.097.957	11.888.575	2.378.899.296
Số cuối kỳ	(366.933.193)	(142.044.857)	(107.722.772)	(3.607.036)	(151.858.032)	(29.371.483)	(801.537.373)
<b>Giá trị còn lại</b>							
Số đầu kỳ	2.028.553.174	353.376.096	1.380.775.986	1.417.471	8.320.152.439	20.702.466	12.104.977.632
Số cuối kỳ	1.042.877.263	110.254.765	172.861.445	996.952	1.347.188.234	4.139.668	2.678.318.327
<i>Trong đó:</i>							
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 24 và 35)	977.946.830	110.254.765	172.431.306	111.893	849.446.936	4.107.565	2.114.299.295



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

			Ngàn VND
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	528.166.821	22.497.789	550.664.610
Thanh lý công ty con trong kỳ	(399.144.484)	(5.980.000)	(405.124.484)
Số cuối kỳ	129.022.337	16.517.789	145.540.126
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	5.211.223	5.211.223
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số đầu kỳ	(13.790.982)	(15.580.926)	(29.371.908)
Hao mòn trong kỳ	(1.788.693)	(706.661)	(2.495.354)
Thanh lý công ty con trong kỳ	11.107.943	498.333	11.606.276
Số cuối kỳ	(4.471.732)	(15.789.254)	(20.260.986)
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	514.375.839	6.916.863	521.292.702
Số cuối kỳ	124.550.605	728.535	125.279.140
Trong đó:			
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 24 và 35)	124.550.605	85.700	124.636.305



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

			Ngàn VND
	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ và số cuối kỳ	27.072.022	47.003.809	74.075.831
<b>Giá trị khấu hao lũy kế</b>			
Số đầu kỳ	(3.696.971)	(5.141.714)	(8.838.685)
Khấu hao trong kỳ	(369.697)	(945.729)	(1.315.426)
Số cuối kỳ	(4.066.668)	(6.087.443)	(10.154.111)
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	23.375.051	41.862.095	65.237.146
Số cuối kỳ	23.005.354	40.916.366	63.921.720
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 24)</i>	23.005.354	40.916.366	63.921.720

*Thuyết minh bổ sung:*

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	518.325	1.191.118
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	1.315.426	1.315.426

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2021. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả (*)	1.976.899.401	5.851.200.071
Dự án chăn nuôi (**)	1.267.576.980	1.278.472.390
Nhà xưởng và nhà máy nông trường (*)	11.718.915	586.646.031
Chi phí phát triển vườn cây cao su	-	2.479.307.092
Chi phí phát triển vườn cây cọ dầu	-	1.704.361.699
Chi phí nuôi dê	-	10.800.038
Học viện bóng đá HAGL - Arsenal JMG	577.620	-
Khác	88.238.818	95.992.830
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.345.011.734</u></b>	<b><u>12.006.780.151</u></b>

(\*) Các khoản này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (TM số 24).

(\*\*) Một phần tài sản của dự án chăn nuôi đã được dùng để thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương (TM số 24.3).

**15. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA**

Trong kỳ, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay trị giá 10.282.960 ngàn VND (kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 350.659.065 ngàn VND). Các khoản chi phí đi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu để sử dụng cho việc xây dựng và phát triển các vườn cây ăn quả và các dự án khác.

**16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Đầu tư vào công ty liên kết (TM số 16.1)	-	266.193.865
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (TM số 16.2)	1.781.156.721	11.124.651
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.781.156.721</u></b>	<b><u>277.318.516</u></b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(2.330.041)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b><u>1.778.826.680</u></b>	<b><u>277.318.516</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**16.1 Đầu tư vào công ty liên kết**

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư
		(%)	Ngàn VND	(%)	Ngàn VND
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	Trồng cây cao su	49,14	-	49,14	258.583.426
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông (*)	Tư vấn và thiết kế	25,00	-	25,00	7.610.439
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>-</b>		<b>266.193.865</b>

Theo tỷ lệ sở hữu của công ty con trong Tập đoàn trực tiếp đầu tư vào các công ty này.

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tập đoàn có khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông với giá gốc đầu tư là 5.000.000 ngàn VND.

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 như sau:

	Ngàn VND Giá trị
<b>Giá gốc đầu tư</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	267.353.911
Thanh lý trong kỳ	(262.353.911)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	5.000.000
<b>Phân lợi nhuận/(lỗ) lũy kế sau khi đầu tư</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	(1.160.046)
Phân lỗ từ công ty liên kết trong kỳ	(5.819.760)
Thanh lý trong kỳ	1.979.806
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	(5.000.000)
<b>Giá trị còn lại</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	266.193.865
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**16.2 Đầu tư góp vốn vào các các đơn vị khác**

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá gốc đầu tư
		%	Ngàn VND	%	Ngàn VND
Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	16,07	1.772.626.680	-	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000	2,00	6.200.000
Công ty Cổ phần Bóng đá chuyên nghiệp Việt nam	Bóng đá	-	1.170.000	-	1.170.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại và vận tải	-	1.160.041	-	1.160.041
Công ty Cổ phần Nông Lâm nghiệp Cảnh Đồng Vàng	Kinh doanh cây ăn quả	-	-	15,00	2.594.610
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.781.156.721</b>		<b>11.124.651</b>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			(2.330.041)		-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>			<b>1.778.826.680</b>		<b>11.124.651</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	2.050.905	8.364.959
Chi phí khác	1.139.956	2.988.969
	<u>3.190.861</u>	<u>11.353.928</u>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí khai hoang	145.054.655	249.358.743
Dự án chăn nuôi	102.565.144	-
Công cụ, dụng cụ	14.624.960	24.797.811
Tiền thuê đất trả trước	10.864.655	67.758.782
Chi phí thuê văn phòng	-	4.982.444
Chi phí khác	4.260.748	6.499.049
	<u>277.370.162</u>	<u>353.396.829</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>280.561.023</u></b>	<b><u>364.750.757</u></b>

**18. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	Ngàn VND		
	<i>Lợi thế thương mại phát sinh từ mua các công ty con</i>		
	<i>Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên</i>	<i>Hung Thắng Lợi</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	54.979.339	1.072.826.621	1.127.805.960
Thanh lý trong kỳ	(54.979.339)	-	(54.979.339)
Số cuối kỳ	<u>-</u>	<u>1.072.826.621</u>	<u>1.072.826.621</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số đầu kỳ	(31.053.205)	(471.130.324)	(502.183.529)
Phân bổ trong kỳ	-	(347.363.879)	(347.363.879)
Thanh lý trong kỳ	31.053.205	-	31.053.205
Số cuối kỳ	<u>-</u>	<u>(818.494.203)</u>	<u>(818.494.203)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	23.926.134	601.696.297	625.622.431
Số cuối kỳ	<u>-</u>	<u>254.332.418</u>	<u>254.332.418</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
		Ngàn VND
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	315.641.623	1.414.093.688
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	118.917.527	3.685.314
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	-	292.855.814
- Các nhà cung cấp khác	196.724.096	1.117.552.560
Phải trả người bán máy móc và thiết bị	1.350.063	21.919.095
Phải trả nhà thầu xây dựng	1.225.932	31.852.961
Phải trả người bán khác	671.142	6.171.141
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>318.888.760</b>	<b>1.474.036.885</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	<i>172.601.280</i>	<i>1.356.262.115</i>
<i>Phải trả các bên liên quan (TM số 34)</i>	<i>146.287.480</i>	<i>117.774.770</i>

**20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
		Ngàn VND
Công ty Cổ Phần Thực phẩm Dinh dưỡng Nutifood Bình Dương	162.680.988	162.680.988
Công ty TNHH Dịch vụ Nông Nghiệp Tây Nguyên	65.396.710	55.779.948
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Trường Hải	-	282.843.456
Các khách hàng khác	64.047.406	132.425.352
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>292.125.104</b>	<b>633.729.744</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Người mua trả tiền trước từ các bên thứ ba</i>	<i>272.897.875</i>	<i>633.729.744</i>
<i>Người mua trả tiền trước từ các bên liên quan (TM số 34)</i>	<i>19.227.229</i>	<i>-</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Ngàn VND			
	Số đầu kỳ	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	60.705.339	44.882.811	(94.625.954)	10.962.196
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 33.1)	293.370	-	(285.831)	7.539
Thuế khác	2.267.420	968.261	(108.102)	3.127.579
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>63.266.129</b>	<b>45.851.072</b>	<b>(95.019.887)</b>	<b>14.097.314</b>
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 33.1)	22.593.419	319.480	(20.641.905)	2.270.994
Thuế thu nhập cá nhân	9.242.675	7.774.096	(15.526.999)	1.489.772
Thuế giá trị gia tăng	741.923	13.399.664	(13.303.969)	837.618
Thuế khác	266.458	3.064.766	(3.331.224)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32.844.475</b>	<b>24.558.006</b>	<b>(52.804.097)</b>	<b>4.598.384</b>

**22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí lãi vay	2.432.498.391	2.570.677.644
Chi phí hoạt động	-	160.401.645
Chi phí khác	30.622.256	133.348.082
	<u>2.463.120.647</u>	<u>2.864.427.371</u>
<b>Dài hạn</b>		
Chi phí lãi vay	735.355.168	1.173.684.620
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.198.475.815</b>	<b>4.038.111.991</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Ngân VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả tiền mượn từ các công ty và cá nhân (i)	141.222.978	1.237.044.380
Phải trả về hợp tác kinh doanh ("HDHTKD")	-	104.112.630
Phải trả tiền thuê đất	-	74.761.454
Phải trả các cá nhân khác	1.477.874	3.958.621
Khác	39.361.569	55.905.206
	<u>182.062.421</u>	<u>1.475.782.291</u>
<b>Dài hạn</b>		
Phải trả tiền mượn từ các công ty và cá nhân (i)	71.291.757	335.560.739
Phải trả tiền thuê đất	-	118.618.381
	<u>71.291.757</u>	<u>454.179.120</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>253.354.178</u></b>	<b><u>1.929.961.411</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả dài hạn các bên thứ ba	225.214.849	1.455.779.809
Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 34)	28.139.329	237.823.684
Phải trả dài hạn các bên liên quan (TM số 34)	-	236.357.918

- (i) Khoản này thể hiện các khoản vay không lãi suất và không yêu cầu tài sản đảm bảo từ các cá nhân, các công ty khác và các bên liên quan của Tập đoàn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. VAY**

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Ngắn hạn</b>		
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 24.3)	679.112.543	1.194.476.648
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 24.1)	501.341.596	1.467.713.308
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (TM số 24.2)	367.422.920	872.245.035
Vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân	-	114.686.449
Vay ngắn hạn bên khác	-	5.122.729.858
	<u>1.547.877.059</u>	<u>8.771.851.298</u>
<b>Dài hạn</b>		
Vay dài hạn trái phiếu (TM số 24.2)	6.114.142.100	6.726.624.401
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 24.3)	476.455.497	2.528.363.183
Vay dài hạn từ công ty và cá nhân (TM số 24.4)	140.897.660	76.011.586
	<u>6.731.495.257</u>	<u>9.330.999.170</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.279.372.316</u></b>	<b><u>18.102.850.468</u></b>

Tình hình tăng/(giảm) các khoản vay trong kỳ như sau:

	Ngàn VND		
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Số đầu kỳ	8.771.851.298	9.330.999.170	18.102.850.468
Tiền thu từ đi vay	578.350.874	72.669.115	651.019.989
Chuyển từ khoản phải trả	-	78.599.077	78.599.077
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	2.024.304	7.517.702	9.542.006
Vay dài hạn đến hạn trả	138.090.759	(138.090.759)	-
Chênh lệch tỷ giá	(278.709)	1.875.729	1.597.020
Tiền chi trả nợ gốc vay	(680.403.207)	(620.000.000)	(1.300.403.207)
Giảm do thanh lý công ty con	(7.261.758.260)	(2.002.074.777)	(9.263.833.037)
Số cuối kỳ	<u>1.547.877.059</u>	<u>6.731.495.257</u>	<u>8.279.372.316</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. VAY (tiếp theo)**

**24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng**

Chi tiết của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 11)
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), Chi nhánh Gia Lai</b>				
Khoản vay ngày 25 tháng 5 năm 2021	499.902.035	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	8,20 - 9,10	150.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyên Đức.
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), Chi nhánh Gia Lai</b>				
Khoản vay ngày 10 tháng 5 năm 2021	1.439.561	Ngày 8 tháng 11 năm 2021	8,40	Máy móc thiết bị, một phần các phương tiện vận tải, và các công trình khác Bệnh viện HAGL.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>501.341.596</u></b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. VAY (tiếp theo)**

**24.2 Trái phiếu thường**

Chi tiết trái phiếu thường như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	5.876.000.000	5.876.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank")	350.000.000	350.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán HDB (trước đây là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Gia) ("HDBS")	-	930.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong ("TPS")	-	200.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(44.434.980)	(57.130.564)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.481.565.020</b>	<b>7.598.869.436</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trái phiếu dài hạn</i>	<i>6.114.142.100</i>	<i>6.726.624.401</i>
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả</i>	<i>367.422.920</i>	<i>872.245.035</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. VAY (tiếp theo)**

**24.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)**

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản thế chấp
BIDV và BSC	BIDV (*)	5.876.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) Ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3,00 (2021: 7,60 - 8,60)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	Các quyền thuê đất như sau: 4.852,74 ha cao su tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sê Kông (Lào) do Công ty TNHH Công nghiệp & Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh-Quang Minh làm chủ sở hữu, 9.231,6 ha (trồng cao su) tại Tỉnh Attapeu, Lào do Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu làm chủ sở hữu; Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 4.733,01 ha (trồng cao su) và 3.155,79 ha (trồng cọ dầu) tại Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu; Quyền sử dụng và khai thác 5.357 ha cọ dầu trên diện tích đất 9.380,9 ha tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia của Công ty TNHH MTV Hoàng Anh An Dong Meas; 1.960,91 ha tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia thuộc sở hữu Công ty TNHH Heng Brothers; 3.283,7 ha tại Tỉnh Rattanakiri, Campuchia thuộc sở hữu Công ty TNHH C.R.D; Tất cả tài sản (động sản và bất động sản) gắn liền trên đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền với hoặc phát sinh từ tài sản gắn liền với đất nêu trên; Quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên; 44.926.000 cổ phiếu HAG do ông Chủ tịch HĐQT nắm giữ.
Chi phí phát hành trái phiếu		(42.046.480)				
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>5.833.953.520</b>				
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn		5.516.243.321				
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		317.710.199				

(\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, diện tích trồng cao su và cọ dầu thực tế đang thấp hơn cam kết trong Hợp đồng Tín dụng. Diện tích cam kết lần lượt là 4.852,74 ha cao su và 7.102 ha cọ dầu. Cũng tại ngày này, Tập đoàn cũng chưa tiến hành thanh toán lãi vay phải trả đã đến hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 với tổng giá trị là 1.483.114.105 ngàn VND. Tập đoàn đã có kế hoạch thanh toán khoản lãi vay đã đến hạn trên.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Trái phiếu thường (tiếp theo)

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngàn VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn	Mục đích	Tài sản thế chấp (TM số 9, 11, 12 và 14)
TPBank	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	350.000.000	Lãi suất áp dụng cho 6 tháng đầu tiên kể từ Ngày phát hành là 10,00%/năm. Lãi suất điều chỉnh bằng tổng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân cao nhất kỳ hạn mười hai (12) tháng của Ngân hàng TMCP Tiên Phong cộng với biên độ 3,50 (2021: 9,65 - 10,00)	Ngày 28 tháng 10 năm 2024	Thực hiện các chương trình, dự án đầu tư của Tập đoàn	50.000.000 cổ phiếu HAG thuộc quyền sở hữu và bảo lãnh của ông Đoàn Nguyên Đức; Tài sản gắn liền với đất nằm trên thửa đất có số GCN QSD số BY 440741 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai; 14.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn Quý; và Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng 0809/2020/HTDTKD/HTGL-LEME.
ACBS	Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	300.000.000	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn mười ba (13) tháng của Ngân hàng TMCP Tiên Phong cộng với biên độ 4,50 (2021: 10,00)	Ngày 18 tháng 6 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	40.000.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty.
Chi phí phát hành trái phiếu		(2.388.500)				
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>647.611.500</b>				
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn		597.898.779				
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả		49.712.721				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. VAY (tiếp theo)**

**24.3 Vay dài hạn ngân hàng**

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Ngân VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương ("Eximbank")	677.790.252	711.277.743
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Ngân hàng Lào - Việt") - Chi nhánh Attapeu	261.622.291	1.025.470.346
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank")	192.000.000	242.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	24.155.497	512.454.605
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	-	1.231.637.137
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.155.568.040</b>	<b>3.722.839.831</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả</i>	679.112.543	1.194.476.648
<i>Vay dài hạn</i>	476.455.497	2.528.363.183

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu vốn tài trợ cho các dự án vườn cây ăn quả của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 14)
<i>Eximbank</i>				
Khoản vay ngày 15 tháng 8 năm 2014 (*)	413.840.471	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024	11,50	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên tổng diện tích 957 ha (7 bìa đồ) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai; Phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, đàn bò và tài sản khác hình thành từ vốn vay.
Khoản vay ngày 23 tháng 9 năm 2014 (*)	263.949.781	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024	11,50	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên tổng diện tích 957 ha (7 bìa đồ) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai; Phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, đàn bò và tài sản khác hình thành từ vốn vay.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>677.790.252</b>			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Vay dài hạn</i>	308.300.000			
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	369.490.252			

(\*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn đã thanh lý toàn bộ số lượng bò, theo đó, Tập đoàn không đảm bảo số lượng bò theo quy định của Hợp đồng Tín dụng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 14)
Ngân hàng Lào - Việt, Chi nhánh Attapeu				
Khoản vay	<u>261.622.291</u>	Ngày 23 tháng 6 năm 2022	8,50	2 lô đất tại Bản Honglay, Huyện Lamam, Tỉnh Sekong, Lào thuộc sở hữu của ông Channousit;  Trụ sở làm việc của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng tại Bản NongYoi, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào;  Quyền sở hữu khai thác diện tích 939 ha vườn cây ăn quả thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng
TPBank - Chi nhánh Hà Nội				
Khoản vay	<u>192.000.000</u>	Từ 21 tháng 10 năm 2021 đến 21 tháng 10 năm 2024	Lãi suất điều chỉnh ba (3) tháng một lần và bằng lãi suất tiền tiền gửi tiết kiệm mười hai (12) tháng của TPBank cộng với biên độ 3,50 (2021: 9,65 - 10,00)	Các tài sản phát sinh từ phần vốn góp Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng với giá trị 12.000.000 USD; và Tài sản gắn liền với đất nằm trên thửa đất có số GCN QSD số BY 440736, BY 440744, BY 440746 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai.
Trong đó:				
Vay dài hạn	144.000.000			
Vay dài hạn đến hạn trả	48.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. VAY (tiếp theo)**

**24.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)**

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Số tiền (Ngàn VND)</i>	<i>Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12, và 14)</i>
Sacombank Lào, Chi nhánh Champasak	<u>24.155.497</u>	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2022 đến ngày 7 tháng 6 năm 2026	LAK: 10,00 USD: 8,00	Quyền sử dụng đất tờ 01 A-660-668 (bìa đồ đất 118,2 ha và bìa đồ đất 3,5 ha), Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất tờ 02 A-658-670 (bìa đồ đất 6,7 ha và bìa đồ đất 50,3 ha), Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất tờ 03 A-658-670 (bìa đồ đất 60,0 ha), Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất tờ 04 A-658-670 (bìa đồ đất 3,9 ha), Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất tờ 05 A-658-670 (bìa đồ đất 2,4 ha), Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Tất cả các quyền sử dụng đất nêu trên đều thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**24. VAY** (tiếp theo)

**24.4 Vay dài hạn từ công ty và cá nhân**

<i>Tên đối tượng</i>	<i>Số tiền (Ngàn VND)</i>	<i>Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Tài sản thế chấp</i>
Ông Lê Hiền Trung	81.445.415	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	10,00	Tín chấp
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp KhamKauong	47.543.004	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	10,00	Tín chấp
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	11.909.241	Ngày 1 tháng 4 năm 2023	12,00	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>140.897.660</u></b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**25.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu**

Ngàn VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)</b>							
Số đầu kỳ	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	(424.458.674)	281.668.774	(4.766.207.329)	7.628.854.385
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	(1.155.559.791)	(1.155.559.791)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(701.307.335)	-	-	(701.307.335)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	741.925	(741.925)	-
Số cuối kỳ	<u>9.274.679.470</u>	<u>3.263.858.784</u>	<u>(686.640)</u>	<u>(1.125.766.009)</u>	<u>282.410.699</u>	<u>(5.922.509.045)</u>	<u>5.771.987.259</u>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>							
Số đầu kỳ	9.274.679.470	3.263.858.784	(686.640)	(1.440.136.262)	282.410.699	(6.301.662.837)	5.078.463.214
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	18.216.471	18.216.471
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(191.037.712)	-	-	(191.037.712)
Thủ lao HĐQT, BKS và thư ký	-	-	-	-	-	(1.485.000)	(1,485,000)
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát (TM số 4.1, 4.2 và 4.3)	-	-	-	-	-	(73.544.008)	(73,544,008)
Thanh lý công ty con	-	-	-	1.253.037.089	-	(1.013.165.414)	239.871.675
Số cuối kỳ	<u>9.274.679.470</u>	<u>3.263.858.784</u>	<u>(686.640)</u>	<u>(378.136.885)</u>	<u>282.410.699</u>	<u>(7.371.640.788)</u>	<u>5.070.484.640</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**25.2 Cổ phiếu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.467.947 927.467.947	927.467.947 927.467.947
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.399.283 927.399.283	927.399.283 927.399.283
Số lượng cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664 68.664	68.664 68.664

**26. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Số đầu kỳ	4.949.332.245	4.122.902.838
Giao dịch vốn trong nội bộ Tập đoàn với cổ đông không kiểm soát của các công ty con	357.814.672	-
Lỗ trong kỳ phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	(9.906.221)	(241.213.797)
Thanh lý công ty con	(5.201.860.403)	-
Số cuối kỳ	<u>95.380.293</u>	<u>3.881.689.041</u>

**27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
Lãi/(lỗ) thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (Ngàn VND)	18.216.471	(1.155.559.791)
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ	927.399.283	927.399.283
Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu (VND)		
- Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	20	(1.246)
- Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	20	(1.246)

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**28. DOANH THU**

**28.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
		Ngàn VND
<b>Doanh thu gộp</b>	<b>832.044.919</b>	<b>1.483.696.261</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán trái cây</i>	335.832.199	1.222.084.092
<i>Doanh thu bán heo</i>	259.764.315	-
<i>Doanh thu từ cung cấp dịch vụ</i>	122.324.724	102.873.707
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	113.638.279	51.565.209
<i>Doanh thu bán mũ cao su</i>	-	107.166.207
<i>Doanh thu khác</i>	485.402	7.046
<b>Khoản giảm trừ</b>	<b>(21.938.951)</b>	<b>(13.106.383)</b>
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(21.938.951)	(13.106.383)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>810.105.968</b>	<b>1.470.589.878</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán trái cây</i>	313.893.248	1.208.977.709
<i>Doanh thu bán heo</i>	259.764.315	-
<i>Doanh thu từ cung cấp dịch vụ</i>	122.324.724	102.873.707
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	113.638.279	51.565.209
<i>Doanh thu bán mũ cao su</i>	-	107.166.207
<i>Doanh thu khác</i>	485.402	7.046
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần từ các bên khác</i>	744.214.511	1.387.471.175
<i>Doanh thu từ các bên liên quan (TM số 34)</i>	65.891.457	83.118.703

**28.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
		Ngàn VND
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư (TM số 4.1)	240.752.906	-
Lãi tiền cho vay	233.651.808	344.224.297
Lãi tiền gửi ngân hàng	884.072	646.701
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	788.162	5.195.720
Thu nhập cổ tức	79.956	-
Khác	2.828	68.662
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>476.159.732</b>	<b>350.135.380</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu từ các bên thứ ba</i>	278.054.464	22.522.260
<i>Doanh thu từ các bên liên quan (TM số 34)</i>	198.105.268	327.613.120

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Giá vốn bán trái cây	268.937.536	753.415.418
Giá vốn bán heo	149.433.088	-
Giá vốn dịch vụ	111.511.618	109.345.926
Giá vốn hàng hóa	105.615.579	37.899.214
Giá vốn mũ cao su	-	153.985.235
Giá vốn khác	66.321.835	7.046
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>701.819.656</u></b>	<b><u>1.054.652.839</u></b>

**30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí lãi vay	364.761.190	490.162.646
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.931.436	32.336.400
Chi phí lãi HĐHTKD	1.759.668	9.588.000
Hoàn nhập các chi phí tài chính khác	-	(95.505.481)
Khác	10.789.252	9.766.152
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>386.241.546</u></b>	<b><u>446.347.717</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.480.903	203.797.421
Chi phí lương nhân viên	1.398.247	6.236.118
Chi phí khấu hao và hao mòn	22.054	1.160.114
Chi phí khác	356.080	4.943.040
	<u>48.257.284</u>	<u>216.136.693</u>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Phân bổ lợi thế thương mại	347.363.879	69.496.008
Chi phí lương nhân viên	37.009.535	65.619.042
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.895.882	15.029.376
Chi phí khấu hao và hao mòn	4.170.201	14.720.446
(Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng	(266.061.776)	1.243.237.152
Chi phí khác	3.176.694	22.754.413
	<u>142.554.415</u>	<u>1.430.856.437</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>190.811.699</u></b>	<b><u>1.646.993.130</u></b>

**32. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
<b>Thu nhập khác</b>		
Hoàn nhập trích trước thuế nhà thầu	-	38.494.970
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	4.586.911
Các khoản khác	35.579.224	5.441.442
	<u>35.579.224</u>	<u>48.523.323</u>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí chuyển đổi vườn cây	207.529.219	39.121.523
Lỗ từ thanh lý tài sản	-	24.788.657
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	11.843.657	15.928.520
Các khoản phạt	282.019	10.315.321
Các khoản khác	32.154.675	27.751.115
	<u>251.809.570</u>	<u>117.905.136</u>
<b>LỖ KHÁC</b>	<b><u>(216.230.346)</u></b>	<b><u>(69.381.813)</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con tại Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2020: 20%).

Các công ty con của Công ty tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 24% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính và 2% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động chuyển nhượng dự án. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	319.480	321.560
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>(223.287.037)</u>	<u>1.395.927</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>(222.967.557)</u></b>	<b><u>1.717.487</u></b>

#### 33.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**33.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)
		Ngàn VND
<b>Tổng lỗ kế toán trước thuế</b>	<b>(214.657.307)</b>	<b>(1.395.056.101)</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm)</i>		
Lợi thế thương mại phân bổ	347.363.879	69.496.008
Lỗ từ thanh lý các công ty con ở khía cạnh hợp nhất	222.169.717	-
Mức trần chi phí lãi vay	82.680.062	-
Lỗ từ các công ty con	60.882.064	329.534.288
Lợi nhuận chưa thực hiện trên hợp nhất	11.341.029	16.181.878
Lỗ/(lãi) từ các công ty liên kết	5.819.760	(1.594.140)
Trích/(hoàn nhập) chi phí tài chính trên hợp nhất	1.573.373	(134.000.451)
Lợi nhuận của các công ty con được miễn thuế	(66.839.918)	(65.541.111)
Cán trừ lỗ năm trước	(539.830.115)	(17.803.611)
Dự phòng các khoản đầu tư	(375.150.663)	(34.611.292)
Các khoản khác	467.564.924	1.293.010.337
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành</b>	<b>2.916.805</b>	<b>59.615.805</b>
<b>Thuế TNDN ước tính trong kỳ hiện hành</b>	<b>583.361</b>	<b>12.243.610</b>
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu kỳ trước	-	1.111
Thuế TNDN được miễn, giảm	(263.881)	(11.923.161)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính</b>	<b>319.480</b>	<b>321.560</b>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	22.300.049	18.593.903
Thanh lý công ty con	(20.356.074)	-
Khác	-	(332.213)
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	(210.871)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b>2.263.455</b>	<b>18.372.379</b>
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (TM số 21)	2.270.994	19.732.799
Thuế TNDN nộp thừa (TM số 21)	(7.539)	(1.360.420)

0811  
 ÔNG  
 NHIỆM  
 T & Y  
 TNA  
 HỒ C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**33.2 Thuế TNDN hoãn lại**

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ như sau:

	Ngàn VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>				
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	5.814.473	85.724.272	(79.909.799)	3.236.374
	<b>5.814.473</b>	<b>85.724.272</b>	<b>(79.909.799)</b>	<b>3.236.374</b>
<b>Thuế TNDN hoãn lại phải trả</b>				
Chênh lệch giá trị hợp lý của tài sản mua trong hợp nhất kinh doanh	541.270.533	583.360.502	(42.089.969)	-
Dự phòng khoản đầu tư	-	141.070.733	(141.070.733)	6.922.258
Chi phí lãi vay vốn hoá khi hợp nhất	-	120.036.134	(120.036.134)	(2.289.957)
	<b>541.270.533</b>	<b>844.467.369</b>	<b>(303.196.836)</b>	<b>4.632.301</b>
<b>(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>(223.287.037)</b>	<b>1.395.927</b>

02-C...  
Y  
TU HAN  
UNG  
1  
HI MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ hiện hành và kỳ trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Công ty Cổ phần Gia súc Lor Pang	Công ty liên quan	Cho vay	1.088.916.833	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	158.634.747	-
		Thu hồi cho vay	72.500.000	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	65.489.853	-
		Lãi cho vay	26.390.498	-
		Chi hộ	4.964.875	-
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Cho vay và mượn	161.506.120	178.687.413
		Lãi cho vay	158.257.041	144.202.563
Ông Nguyễn Kim Luân	Cổ đông	Cho vay	114.260.000	-
		Lãi cho vay	886.983	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Cho vay và mượn	104.042.000	-
		Lãi cho vay	2.337.868	-
		Chi phí lãi HDHTKD	1.755.556	3.600.000
		Chi hộ	76.669	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	25.621.170	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	232.332	-
		Tạm ứng mua hàng hóa	-	27.969.771
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Cho vay	17.189.492	-
		Lãi cho vay	7.170.358	7.390.284
		Mua hàng hóa và dịch vụ	1.411.367	-
		Lãi vay	718.524	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	57.797	-
Ông Lê Văn Thạch	Cổ đông	Lãi cho vay	3.062.520	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ hiện hành và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.410.343	-
		Mua tài sản	597.096	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	72.142	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.288.539	-
Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.272.136	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	39.333	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản An Phú	Công ty liên quan	Thuê văn phòng	359.673	-
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Cho mượn Chi phí lãi HĐHTKD	159.863	-
			-	2.100.000
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	Chi phí lãi HĐHTKD	4.113	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	-	176.020.273
		Tạm ứng	-	121.943.196
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	83.118.703
		Cho vay	-	72.870.074





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 6)</b>				
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	65.054.714	-
		Cung cấp dịch vụ xây dựng	3.764.302	-
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	27.595.944	27.595.944
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	5.501.714	5.501.714
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	428.438	375.199
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	364.414	5.444.663
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	44.860	-
			<b>102.754.386</b>	<b>38.917.520</b>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 7)</b>				
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	10.642.628	23.253.451

0811  
ÔNG  
NHIỆM  
T & Y  
TNA  
HỒ C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 8)</b>				
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	8,00 - 8,60	3.781.163.856	3.644.498.048
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng Thành viên HĐQT	-	1.050.000.000	-
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	6,15 - 8,60	500.000.000	-
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	8,30	102.165.041	-
Ông Nguyễn Kim Luân	Cổ đông	8,30	64.431.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Cổ đông	4,80	30.000.000	30.000.000
Ông Lê Văn Thạch	Cổ đông	4,80	15.000.000	15.000.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	-	4.209.929	86.936.725
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan	-	-	3.000.000
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	-	-	1.811.406
			<b>5.546.969.826</b>	<b>3.781.246.179</b>
<b>Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 8)</b>				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng Thành viên HĐQT	-	986.677.272	-
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	4,80	840.307.997	840.307.997
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	10,00	516.416.833	-
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Cổ đông	4,80	253.800.000	253.800.000
Ông Lê Văn Thạch	Cổ đông	4,80	126.900.000	126.900.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	8,60 - 12,00	116.026.287	100.000.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	-	107.039.678	-
Ông Trần Quang Dũng	Bên liên quan	4,80	42.300.000	42.300.000
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	-	15.917.802	-
			<b>3.005.385.869</b>	<b>1.363.307.997</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 26 tháng 6 năm 2020, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Nghị định 71/2017/ND-CP do Chính phủ ban hành ngày 6 tháng 6 năm 2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng. Công ty cũng sẽ tiếp tục đưa nội dung này vào xin phê duyệt tại kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông cho năm 2021, dự kiến tổ chức vào tháng 9 năm 2021.

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Phải thu ngắn hạn khác (TM số 9)</b>				
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Lãi cho vay	199.112.183	112.367.032
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	23.856.246	22.873.208
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Lãi cho vay Cho mượn	10.699.315 8.059.084	- -
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay Tạm ứng Cho mượn	2.337.867 16.264 -	- 26.120 65.490.397
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Lãi cho vay	1.898.020	-
Ông Nguyễn Kim Luân	Cổ đông	Lãi cho vay	886.983	-
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	Tạm ứng	460.590	460.590
Ông Nguyễn Văn Quý	Cổ đông	Tạm ứng	15.000	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan	Khác	-	1.282
			<b>247.341.552</b>	<b>201.218.629</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Phải thu dài hạn khác (TM số 9)</b>				
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	HĐHTKD Lãi cho vay	440.000.000 66.987.758	440.000.000 7.160.868
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	36.041.396	29.854.077
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Lãi cho vay	21.999.386	-
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Lãi cho vay	16.535.019	-
Ông Lê Văn Thạch	Cổ đông	Lãi cho vay	10.966.320	7.903.800
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Lãi cho vay	10.458.694	-
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Cổ đông	Lãi cho vay	10.151.520	4.026.480
Ông Trần Quang Dũng	Bên liên quan	Lãi cho vay	1.708.920	688.080
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Lãi cho vay	1.555.282	-
			<b>616.404.295</b>	<b>489.633.305</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 19)</b>				
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	118.922.624	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	23.055.314	116.694.539
Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.890.008	-
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	1.550.834	-
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng Thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	444.497	-
			234.430	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	154.353	404.483
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản An Phú	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	20.420	660.748
Công ty Cổ phần Phú Hoàng Anh	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	15.000	15.000
			<b>146.287.480</b>	<b>117.774.770</b>
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 20)</b>				
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Ứng tiền	19.227.229	-

1802-C  
CÔNG TY  
HỮU HẠ  
YOUNG  
'AM  
CHỈ M

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		Ngàn VND		
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
<b>Phải trả ngắn hạn khác (TM số 23)</b>				
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan	Mượn tiền	25.405.650	37.481.217
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT	Mượn tiền HĐQT	1.000.000	1.000.000
			-	4.112.630
Công ty Cổ phần Gia súc Lơ Pang	Công ty liên quan	Chi hộ	773.740	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mượn tiền	682.739	594.335
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Mượn tiền	272.700	272.700
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	HĐHTKD	-	100.000.000
		Mượn tiền	-	70.000.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan	Mượn tiền	-	24.197.190
Ông Trần Quang Dũng	Bên liên quan	Mượn tiền	-	150.000
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Khác	4.500	15.612
			<b>28.139.329</b>	<b>237.823.684</b>
<b>Phải trả dài hạn khác (TM số 23)</b>				
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Cổ đông	Mượn tiền	-	236.357.918

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đang được hưởng tại Công ty trong kỳ như sau:

		Ngàn VND	
Tên	Chức vụ	Thu nhập (*)	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	1.264.836	1.241.364
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	1.054.339	1.038.946
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	617.977	663.292
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	718.530	-
Các cá nhân khác		1.212.135	3.333.478
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>4.867.817</b>	<b>6.277.080</b>

(\*) Bao gồm tiền lương và các khoản thù lao khác.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**35. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động***

*Tập đoàn là bên thuê*

Tập đoàn thuê các lô đất khác nhau tại Việt Nam và Lào để xây dựng nhà xưởng, cầu lạc bộ bóng đá, khách sạn, văn phòng, nuôi gia súc và trồng các loại cây khác. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ, tiền thuê cam kết theo hợp đồng thuê các lô đất này được trình bày như sau:

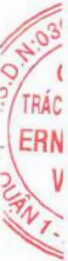
	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Dưới 1 năm	3.315.622	27.564.339
Từ 1 đến 5 năm	12.916.182	110.323.976
Trên 5 năm	101.967.058	949.434.540
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>118.198.862</b>	<b>1.087.322.855</b>

***Các cam kết bảo lãnh***

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Tập đoàn đang dùng các tài sản sau để đảm bảo cho các khoản vay của HNG và các công ty con của HNG. Chi tiết như sau:

- 119 căn hộ thuộc cao ốc văn phòng và nhà ở cao cấp HAGL tại Số 6, Đường Hoàng Văn Thụ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty;
- Nhà máy đá Granit HAGL tại Dọc Quốc lộ 14, Xã Ia Băng, Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam thuộc sở hữu của Công ty;
- Quyền sử dụng đất tại Phường Phù Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam với diện tích 6.993,2 m<sup>2</sup> thuộc sở hữu của Công ty,
- 76.375.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty;
- Quyền sử dụng và khai thác 453,65 ha (150 ha chanh dây, 229,25 ha bơ, 74,4 ha mít thái) đất thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng;
- Quyền khai thác và tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 71,4 ha tại Bản Houy Kong, huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng;
- Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 148 ha tại Bản Hatsan, huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay; và
- Quyền khai thác, tài sản gắn liền với đất (bao gồm toàn bộ cây trồng, công trình gắn liền với đất, tài sản khác) và lợi ích từ việc khai thác đất, tài sản gắn liền với đất đã và đang hình thành trên tổng diện tích 147,7 ha tại Bản Hatsan, huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay;

Ngoài ra, theo Hợp đồng Tín dụng Số 01/2015/7694660/HĐTD ký ngày 24 tháng 9 năm 2015 và Hợp đồng Tín dụng Số 01/2018/7694660/HĐTD ký ngày 2 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Bá Thuộc ("Bá Thuộc") và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hoá ("BIDV"), Công ty đã cam kết bảo lãnh cho Bá Thuộc vay vốn tại BIDV theo Thư Bảo lãnh Vay vốn Số 0109/CV-BLHAGL ký ngày 1 tháng 9 năm 2015 với tổng dư nợ gốc là 160.000.000 ngàn VND cùng toàn bộ lãi, phí và phạt phát sinh (nếu có).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**35. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)**

***Các cam kết bảo lãnh*** (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và vào ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty và Bà Thước đang trong quá trình làm việc với BIDV để xác định khoản nghĩa vụ tài chính phát sinh liên quan đến khoản Bảo lãnh trên.

**36. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Các loại ngoại tệ:		
- Đồng KIP Lào (LAK)	3.561.845.617	2.464.351.274
- Đô la Mỹ (USD)	1.852.552	1.749.612
- Đồng Euro (EUR)	390	401
- Đồng Riels Campuchia (KHR)	-	64.372.090
Nợ khó đòi đã xử lý (Ngàn VND)		
- Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL-Kontum	3.720.000	3.720.000

**37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu, theo đó:

- doanh thu bộ phận bán hàng ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng, nếu doanh thu bán hàng ra bên ngoài của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng doanh thu trở lên của doanh nghiệp bán hàng ra bên ngoài;
- tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của toàn bộ các khu vực địa lý; và
- tổng chi phí đã phát sinh trong kỳ để mua tài sản cố định - tài sản bộ phận dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một năm (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác) theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của các bộ phận.

8118  
 ÔNG  
 NHIỆM H  
 T & Y  
 T NA  
 P HỒ



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

**37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn được xác định theo địa điểm của tài sản của Tập đoàn. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- ▶ Sản xuất: sản xuất và bán phân bón, ống nhựa và các công cụ dụng cụ khác dùng trong nông nghiệp;
- ▶ Thương mại và dịch vụ: quản lý tài sản và mua bán hàng hóa;
- ▶ Xây dựng: xây dựng căn hộ, xây dựng sân bay và xây dựng chuồng trại; và
- ▶ Nông nghiệp: trồng cây ăn quả, thu hoạch, chế biến và bán trái cây.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Báo cáo bộ phận của hoạt động kinh doanh khách sạn đã được trình bày vào hoạt động thương mại và dịch vụ trong kỳ vì đây không phải là hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

**37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh** (tiếp theo)

				Ngàn VND
	Thương mại và dịch vụ	Nông nghiệp	Loại trừ giao dịch nội bộ	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)</b>				
<i>Doanh thu</i>				
Từ khách hàng bên ngoài	154.438.916	1.316.150.962	-	1.470.589.878
Giữa các bộ phận	594.811.786	654.703.036	(1.249.514.822)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>749.250.702</b>	<b>1.970.853.998</b>	<b>(1.249.514.822)</b>	<b>1.470.589.878</b>
Kết quả của bộ phận	7.193.776	408.743.263	-	415.937.039
Chi phí không phân bổ				(1.716.374.943)
Lỗi trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính				(1.300.437.904)
Thu nhập tài chính				350.135.380
Chi phí tài chính				(446.347.717)
Lãi từ công ty liên kết				1.594.140
Lỗi trước thuế				(1.395.056.101)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(321.560)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(1.395.927)
<b>Lỗ sau thuế TNDN trong kỳ</b>				<b>(1.396.773.588)</b>
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>				
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>				
Tài sản của bộ phận	3.018.565.742	33.883.908.746	-	36.902.474.488
Tiền				97.151.198
Đầu tư vào công ty liên kết				266.193.865
<b>Tổng tài sản</b>				<b>37.265.819.551</b>
Nợ phải trả của bộ phận	(1.938.204.272)	(24.455.352.451)	-	(26.393.556.723)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(141.070.733)	(703.396.636)	-	(844.467.369)
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>(27.238.024.092)</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

**37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh** (tiếp theo)

	Thương mại và dịch vụ	Nông nghiệp	Loại trừ giao dịch nội bộ	Ngàn VND Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>				
<i>Doanh thu</i>				
Từ khách hàng bên ngoài	235.963.003	574.142.965	-	810.105.968
Giữa các bộ phận	468.420.482	258.636.833	(727.057.315)	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>704.383.485</b>	<b>832.779.798</b>	<b>(727.057.315)</b>	<b>810.105.968</b>
Kết quả của bộ phận	18.835.806	89.450.506	-	108.286.312
Chi phí không phân bổ				(407.042.045)
Lỗi trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính				(298.755.733)
Thu nhập tài chính				476.159.732
Chi phí tài chính				(386.241.546)
Lỗi từ công ty liên kết				(5.819.760)
Lỗi trước thuế				(214.657.307)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(319.480)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại				223.287.037
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ</b>				<b>8.310.250</b>
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>				
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>				
Tài sản của bộ phận	2.750.951.431	15.205.366.284	-	17.956.317.715
Tiền				155.797.335
<b>Tổng tài sản</b>				<b>18.112.115.050</b>
Nợ phải trả của bộ phận	(194.154.258)	(12.210.825.326)	-	(12.404.979.584)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(541.270.533)	-	(541.270.533)
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>(12.946.250.117)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

**37.2 Bộ phận theo khu vực địa lý**

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau:

	Việt Nam	Lào	Campuchia	Khác	Ngàn VND Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</b> (Trình bày lại - Thuyết minh số 38)					
<i>Doanh thu và chi phí</i>					
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	923.349.669	27.205.019	11.189.885	508.845.305	1.470.589.878
Chi phí hình thành tài sản cố định	45.694.564	350.825.107	302.108.913	-	698.628.584
<b>Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>					
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>					
Tài sản bộ phận	16.349.124.058	13.401.401.402	7.151.949.028	-	36.902.474.488
Tiền					97.151.198
Đầu tư vào công ty liên kết					266.193.865
<b>Tổng tài sản</b>					<b>37.265.819.551</b>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>					
<i>Doanh thu và chi phí</i>					
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	523.364.510	191.504.928	-	95.236.530	810.105.968
Chi phí hình thành tài sản cố định	317.195.129	84.351.166	-	-	401.546.295
<b>Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>					
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>					
Tài sản bộ phận	14.321.623.834	3.634.693.881	-	-	17.956.317.715
Tiền					155.797.335
<b>Tổng tài sản</b>					<b>18.112.115.050</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**38. ĐIỀU CHỈNH LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG**

Như đã trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, trong năm 2020, do các ảnh hưởng tiêu cực từ đại dịch Covid-19 tới nền kinh tế nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cũng như của các đối tác nói riêng, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đã thực hiện rà soát lại khả năng thu hồi của các khoản phải thu tồn đọng lâu ngày từ các năm tài chính trước đây. Theo đó, căn cứ vào các khoản lỗ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các đối tác và các khó khăn nói chung trong ngành nông nghiệp đã phát sinh từ những năm trước, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét lại cơ cấu tài sản đảm bảo cho các khoản phải thu tồn đọng và thu thập thêm các thông tin quá khứ về khả năng thanh toán của các đối tác mà trước đây chưa thể thu thập được do các giới hạn về thời gian và nguồn nhân lực. Ban Tổng Giám đốc nhận thấy việc ước tính khả năng thu hồi của các khoản nợ phải thu tồn đọng lâu ngày tại thời điểm lập báo cáo tài chính các năm trước chưa phản ánh đầy đủ rủi ro tổn thất của các khoản phải thu này. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc đã điều chỉnh lại dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 liên quan đến dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi lớn trong quá khứ với chi tiết như sau:

		Ngàn VND
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Điều chỉnh</i>
		<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (trình bày lại)</i>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020**

Chi phí quản lý doanh nghiệp	(167.912.379)	(1.262.944.058)	(1.430.856.437)
Lỗ kế toán trước thuế	(132.112.043)	(1.262.944.058)	(1.395.056.101)
Lỗ sau thuế TNDN	(133.829.530)	(1.262.944.058)	(1.396.773.588)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của công ty mẹ	107.384.267	(1.262.944.058)	(1.155.559.791)

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Điều chỉnh</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (trình bày lại)</i>
--	---	-------------------	---

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020**

Lỗ kế toán trước thuế	(132.112.043)	(1.262.944.058)	(1.395.056.101)
Dự phòng	(31.695.766)	1.262.944.058	1.231.248.292

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**39. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Vào ngày 6 tháng 7 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua việc góp vốn thành lập một công ty con mới tại Tỉnh Kon Tum là Công ty TNHH MTV Bờ Y với số vốn điều lệ là 50.000.000 ngàn VND theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 0607/21/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 7 năm 2021. Hoạt động chính được đăng ký của công ty này là sản xuất điện.

Ngoài sự kiện được nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán hợp nhất giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

  
Trần Thị Thanh Hiếu  
Người lập

  
Lê Trương Y Trâm  
Kế toán trưởng

  
Võ Trường Sơn  
Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 8 năm 2021